

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN TRỤ  
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/DS-ST  
Ngày: 15-01-2024  
V/v “Tranh chấp hui”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đinh Tiên Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Nguyễn Thị Mỹ Hương
- Bà Mai Thị Bỉ

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Vĩnh Phúc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An tham gia phiên toàn:** Bà Trần Tường Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 272/2023/TLST-DS, ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1975; Địa chỉ: Số 384 ấp H, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

- Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị Q, sinh năm: 1967; Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. (Văn bản ủy quyền ngày 11/12/2023) (Có mặt)

**2. Bị đơn:**

2.1 Bà Đào Thị Th, sinh năm 1974; (Có mặt)

2.2 Ông Phan Hòa Ch, sinh năm 1966. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 332 ấp H, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày **10/11/2023**, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và bà Võ Thị Q người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày yêu cầu khởi kiện như sau: Bà Đ là chủ nợ; Bà Th là nợ viên. Bà Th tham gia chơi nợ với bà Đ hai dây nợ. Cụ thể:

- Dây nợ mở ngày 25-2-2022, nợ 2.000.000 đồng. Bà Th tham gia 4 phần. Bà Th đã hốt và mỗi tháng đóng lại cho bà Đ là 2.000.000 đồng x 4 phần là 8.000.000 đồng. Bà Th đã đóng tới tháng thứ 17, còn lại 06 tháng chưa đóng. Đến tháng 12/2023 là mãn nợ. Như vậy, tính đến thời điểm khởi kiện tháng 11/2023, bà Th còn phải đóng cho bà Đ là 5 tháng x 8.000.000 đồng = 40.000.000 đồng. Phần tiền đóng nợ của tháng 12/2023 là 8.000.000 đồng bà Đ sẽ kiện sau.

- Dây nợ mở ngày 20-8-2022, nợ 2.000.000 đồng. Bà Th tham gia 5 phần. Bà Th đã hốt và mỗi tháng đóng lại cho bà Đ là 2.000.000 đồng x 5 phần là 10.000.000 đồng. Bà Th đã đóng tới tháng thứ 11, còn lại 13 tháng. Đến tháng 07/2024 là mãn nợ. Như vậy, tính đến thời điểm khởi kiện tháng 11/2023, bà Th còn phải đóng cho bà Đ là 5 tháng x 10.000.000 đồng = 50.000.000 đồng. Phần tiền đóng nợ của tháng 12/2023 đến tháng 7 năm 2024 còn 10.000.000 đồng x 8 tháng = 80.000.000 đồng bà Đ sẽ kiện sau.

Ngày 25/04/2023, bà Th và bà Đ đã chốt khi hốt nợ và đóng nợ kết sổ bà Th còn nợ tôi số tiền là 178.000.000 (Một trăm bảy mươi tám triệu) tính luôn đến thời điểm sẽ mãn của hai dây nợ nói trên và có hẹn tôi 02 tháng sau sẽ trả đủ, nhưng đến nay đã nhiều lần bà yêu cầu nhưng bà Th và ông Ch vẫn không trả. Nay bà Đ chỉ khởi kiện yêu cầu ông Ch và bà Th phải liên đới trả cho bà Đ số tiền còn nợ nợ phải đóng tính đến tháng 11/2023 của hai dây nợ là 40.000.000 đồng + 50.000.000 đồng = 90.000.000 đồng. Các phần nợ còn lại của hai dây nợ nêu trên khi đến hạn mãn nợ thì bà Đ sẽ kiện bằng một vụ kiện khác.

\* **Bị đơn là bà Đ Thị Th trình bày:** Bà thừa nhận có tham gia 02 dây nợ như bà Đ do bà Q làm đại diện trình bày. Bà thống nhất còn nợ bà Nguyễn Thị Đ số tiền nợ của hai dây nợ tính đến tháng 11/2023 là 90.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà Đ nhưng xin trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Các phần nợ còn lại khi nào mãn nợ và bà Đ kiện bà thì sẽ giải quyết

sau. Việc chơi hụi chỉ có bà tham gia chơi với bà Đ. Ông Ch là chồng của bà hoàn toàn không biết.

**\* Bị đơn là ông Phan Hòa Ch trình bày:** Việc chơi hụi giữa bà Th và bà Đ thì ông hoàn toàn không biết. Nay bà Đ yêu cầu ông với bà Th liên đới trả số tiền nợ hụi thì ông không đồng ý. Nợ của bà Th thì bà Th tự trả.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật. Tòa án tiến hành hòa giải vụ án nhưng không thành.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Căn cứ vào hồ sơ và các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Tòa án thu thập, lời trình của các đương sự tại phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn. Buộc bị đơn có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền nợ của 02 dây hụi tính đến tháng 11/2023 là 90.000.000 đồng.

- Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

***Về thủ tục tố tụng:***

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu bà Đ Thị Th và ông Phan Hòa Ch có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ hụi là 90.000.000 đồng. Bà Thùy và ông Ch đang cư trú tại xã N, huyện T, tỉnh Long An. Do đó, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hụi” và vụ án thuộc thẩm quyền giải theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn là ông Phan Hòa Ch có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Ch theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

***Về nội dung của vụ án:***

[3] Về nội dung vụ án và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Đ: Bà Đ và bà Th thống nhất ngày 25/11/2023 bà Th xác nhận còn thiếu bà Đ số tiền của hai dây hội tính đến kết thúc hội là 178.000.000 đồng và hẹn 02 tháng sau trả. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Th và bà Đ cũng xác định tính đến tháng 11/2023 thì bà Th chỉ nợ bà Đ số tiền hội đến hạn phải đóng của hai dây hội là 90.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “...*Một bên thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, ... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh...*”. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bà Thúy có chơi hội với bà Đ và còn nợ bà Đ số tiền nợ của 02 dây hội tính đến tháng 11/2023 chưa đóng là 90.000.000 đồng. Bà Th xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả xong hết tiền nợ hội nhưng bà Đ không đồng ý.

[4] Về trách nhiệm liên đới trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà Đ: Bà Đ yêu cầu bà Th và ông Ch có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đ số tiền nợ hội 90.000.000 đồng. Bà Th đồng ý trả tiền nợ hội cho bà Đ; Ngược lại, ông Ch không đồng ý cùng với bà Th liên đới trả nợ hội nêu trên cho bà Đ vì ông Ch xác định không biết việc chơi hội giữa bà Th và bà Đ. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/12/2023 (bút lục 50), ông Ch có xác nhận ông Ch bị tai nạn xe ba, bốn năm nay nên ông Ch chỉ ở nhà không có làm gì hết. Mọi việc chi tiêu trong gia đình điều do bà Th làm và chi tiêu cho cuộc sống gia đình. Tại phiên tòa, bà Th cũng xác định bà Th chơi hội để có tiền chi tiêu cho cả gia đình, chứ không xài gì mục đích cá nhân của bà Th. Từ đó xác định việc chơi hội của bà Th là nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, bà Th và ông Ch phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ hội 90.000.000 đồng cho bà Đ là phù hợp với quy định tại Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Từ những phân tích tại các đoạn [3], [4], Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ; Buộc bị đơn ông Phan Hòa Ch và bà Đ Thị Th có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ số tiền nợ của 02 dây hội tính đến tháng 11/2023 là 90.000.000 đồng.

[6] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Buộc ông Phan Hòa Ch và bà Đ Thị Th phải liên đới chịu 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 24 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về họ, họ, họ, họ, họ, họ; Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ về việc "Tranh chấp họ" đối với ông Phan Hòa Ch và bà Đào Thị Th.

Buộc ông Phan Hòa Ch và bà Đào Thị Th có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền nợ của 02 dây họ tính đến tháng 11/2023 là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng).

2. Về án phí:

2.1 Buộc ông Phan Hòa Ch và bà Đào Thị Th phải liên đới chịu 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước.

2.2 Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền tạm ứng án phí mà bà Đ đã nộp là 4.450.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai

thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009212 ngày 20/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Đinh Tiên Phương**